

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**BỘ KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2014/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2014

THÔNG TƯ

Hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn đánh giá trình độ công nghệ sản xuất.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn nội dung và quy trình đánh giá trình độ công nghệ trong các ngành sản xuất, bao gồm: chế biến, chế tạo, lắp ráp và các ngành công nghiệp hỗ trợ.

2. Cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức khác và cá nhân tham gia hoạt động đánh giá trình độ công nghệ thực hiện theo các quy định tại Thông tư này.

3. Kết quả đánh giá trình độ công nghệ sản xuất là cơ sở để các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức đề xuất giải pháp, chính sách nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp, ngành hoặc địa phương.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Trình độ công nghệ sản xuất* là mức đạt được của công nghệ sản xuất và được đánh giá theo 04 mức: tiên tiến, trung bình tiên tiến, trung bình và lạc hậu.

2. *Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất* là hoạt động phân tích, nhận dạng hiện trạng trình độ công nghệ của doanh nghiệp hay ngành sản xuất theo các tiêu chí nhất định nhằm xác định điểm mạnh, điểm yếu của các thành phần công nghệ để từ đó đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả và trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp hoặc ngành.

3. *Hệ số đóng góp công nghệ* là hệ số thể hiện mức độ đóng góp của công nghệ vào giá trị gia tăng của doanh nghiệp hay ngành.

4. *Ngành sản xuất* là tập hợp các doanh nghiệp sản xuất cùng một nhóm sản phẩm thuộc phân ngành cấp 2 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ).

5. *Dây chuyền công nghệ sản xuất* là hệ thống các thiết bị, công cụ, phương tiện được bố trí lắp đặt theo sơ đồ, quy trình công nghệ bảo đảm vận hành đồng bộ để sản xuất sản phẩm.

6. *Số lao động* là tổng số người làm việc bình quân của doanh nghiệp trong năm thực hiện đánh giá trình độ công nghệ, không tính những người có thời gian làm việc dưới 03 tháng.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá trình độ công nghệ sản xuất

1. Công nghệ sản xuất được chia thành bốn nhóm thành phần cơ bản: Nhóm thiết bị công nghệ thể hiện trong máy móc, công cụ, phương tiện viết tắt là T (Technoware); nhóm nhân lực thể hiện trong năng lực tiếp thu kỹ thuật công nghệ phục vụ sản xuất viết tắt là H (Humanware); nhóm thông tin thể hiện trong các tài liệu, dữ liệu thông tin viết tắt là I (Infoware); nhóm tổ chức, quản lý thể hiện trong công tác tổ chức, quản lý viết tắt là O (Orgaware).

Việc đánh giá trình độ công nghệ sản xuất của doanh nghiệp hay ngành được thực hiện trên cơ sở mức đạt được của các tiêu chí thuộc bốn nhóm thành phần cơ bản T, H, I, O.

2. Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất về mặt định lượng, sử dụng thang điểm chung (100 điểm) để đưa về cùng một mặt bằng đánh giá. Căn cứ vào tổng số điểm đạt được của các tiêu chí để phân loại trình độ công nghệ.

Điểm của các tiêu chí được xác định theo số liệu điều tra, thu thập tại doanh nghiệp. Bộ mẫu phiếu điều tra quy định tại Phụ lục I của Thông tư này.

3. Hệ số đóng góp công nghệ được tính toán dựa trên số điểm đạt được của các nhóm T, H, I, O và thể hiện bằng biểu đồ hình thoi là các căn cứ để đưa ra nhận xét và kết luận trong Báo cáo kết quả đánh giá trình độ công nghệ sản xuất.

4. Điểm của một số tiêu chí (tiêu chí 2, 7, 8 và 16) phụ thuộc nhiều vào tính chất, đặc điểm công nghệ của từng ngành và thay đổi thường xuyên theo sự phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, để xác định điểm của các tiêu chí này cần dựa trên chuẩn so sánh của mỗi ngành, tại thời điểm đánh giá.

Một số tiêu chí thống nhất áp dụng chuẩn so sánh theo ngành quy định tại Phụ lục II của Thông tư này. Trên cơ sở đề xuất của các Bộ, ngành có liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, điều chỉnh chuẩn so sánh cho phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

Chương II

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

Điều 4. Nhóm tiêu chí về thiết bị công nghệ - tối đa 45 điểm

1. Tiêu chí 1: Mức độ hao mòn thiết bị, công nghệ - tối đa 6 điểm

Hao mòn thiết bị, công nghệ (sau đây viết tắt là TBCN) là sự giảm dần giá trị sử dụng của TBCN theo thời gian. Hệ số phản ánh hao mòn TBCN (K_h) được tính bằng công thức sau:

$$K_h = \frac{G_{bd} - G_{sx}}{G_{bd}} \cdot 100\%$$

Trong đó:

- G_{bd} là tổng giá trị các TBCN ban đầu (nguyên giá);
- G_{sx} là tổng giá trị TBCN hiện tại (đã được khấu hao).

Giá trị TBCN được lấy từ báo cáo tài chính năm liền kề trước năm thực hiện đánh giá trình độ công nghệ của doanh nghiệp.

Điểm của tiêu chí này được xác định như sau:

- | | |
|--------------------------------------|--------|
| - Mức độ hao mòn dưới 15% | 6 điểm |
| - Mức độ hao mòn từ 15% đến dưới 30% | 5 điểm |
| - Mức độ hao mòn từ 30% đến dưới 45% | 4 điểm |
| - Mức độ hao mòn từ 45% đến dưới 60% | 3 điểm |
| - Mức độ hao mòn từ 60% đến dưới 75% | 2 điểm |
| - Mức độ hao mòn trên 75% | 1 điểm |

2. Tiêu chí 2: Cường độ vốn thiết bị, công nghệ - tối đa 3 điểm

Cường độ vốn TBCN đặc trưng cho vốn đầu tư vào TBCN của doanh nghiệp. Hệ số cường độ vốn TBCN (K_{cd}) được tính bằng công thức sau:

$$K_{cd} = \frac{G_{sx}}{M}$$

Trong đó:

- G_{sx} là tổng giá trị TBCN hiện tại;
- M là tổng số lao động.

Điểm của tiêu chí này được xác định theo hệ số cường độ vốn TBCN trung bình của từng ngành ($K_{chuẩn 1}$) như sau:

- $K_{cd} \geq 2K_{chuẩn 1}$ 3 điểm
- $2K_{chuẩn 1} > K_{cd} \geq K_{chuẩn 1}$ 2 điểm
- $K_{cd} < K_{chuẩn 1}$ 1 điểm

3. Tiêu chí 3: Mức độ đổi mới thiết bị, công nghệ - tối đa 5 điểm.

Đổi mới TBCN là sự đầu tư bổ sung TBCN nhằm thay thế và nâng cấp hệ thống TBCN của doanh nghiệp. Hệ số đổi mới TBCN (K_{dm}) được tính bằng công thức sau:

$$K_{dm} = \frac{G_{tbn}}{G_{sx}} \cdot 100\%$$

Trong đó:

- G_{tbn} là tổng giá trị TBCN mới lắp đặt và vận hành sản xuất trong thời gian 05 năm;
- G_{sx} là tổng giá trị TBCN hiện tại.

Điểm của tiêu chí này được xác định như sau:

- Hệ số đổi mới TBCN từ 25% trở lên 5 điểm
- Hệ số đổi mới TBCN từ 20% đến dưới 25% 4 điểm
- Hệ số đổi mới TBCN từ 15% đến dưới 20% 3 điểm
- Hệ số đổi mới TBCN từ 10% đến dưới 15% 2 điểm
- Hệ số đổi mới TBCN dưới 10% 1 điểm

4. Tiêu chí 4: Xuất xứ của thiết bị, công nghệ - tối đa 3 điểm

Tiêu chí này đặc trưng cho độ tin cậy về nước sản xuất hoặc hãng chế tạo. Trường hợp các TBCN được chế tạo bởi cùng một hãng nhưng ở nhiều nước khác nhau thì TBCN được xác định xuất xứ thuộc nước đăng ký của hãng đó. Trường hợp có nhiều TBCN xuất xứ khác nhau thì xác định xuất xứ của TBCN theo xuất xứ nhóm các TBCN chính có cùng xuất xứ và có tổng giá trị lớn nhất so với nhóm các TBCN có xuất xứ khác còn lại.

Điểm của tiêu chí này được xác định như sau:

- Xuất xứ TBCN từ các nước G7 3 điểm
- Xuất xứ TBCN từ các nước phát triển hoặc các nước mới phát triển 2 điểm
- Xuất xứ TBCN từ các nước còn lại 1 điểm

(Các nước G7, các nước phát triển và các nước mới phát triển được phân loại theo công bố của Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF).

5. Tiêu chí 5: Mức độ tự động hóa - tối đa 5 điểm

Mức độ tự động hóa đặc trưng cho mức độ hiện đại của TBCN. Hệ số tự động hóa (K_{tdh}) được xác định bằng tỷ lệ giữa giá trị các thiết bị tự động hóa trên tổng giá trị của TBCN:

$$K_{tdh} = \frac{G_{tdh}}{G_{sx}} \cdot 100\%$$

Trong đó:

- G_{tdh} là giá trị các thiết bị tự động hóa, được xác định bằng tổng giá trị các thiết bị tự động hóa nhân với hệ số mức độ tự động hóa chia cho 3 (ba). Hệ số mức độ tự động hóa xác định theo số liệu điều tra thu thập tại Bảng B, Phụ lục II của Thông tư này.

- G_{sx} là tổng giá trị TBCN hiện tại.

Điểm của tiêu chí này được xác định như sau:

- Hệ số tự động hóa từ 90% trở lên	5 điểm
- Hệ số tự động hóa từ 75% đến dưới 90%	4 điểm
- Hệ số tự động hóa từ 60% đến dưới 75%	3 điểm
- Hệ số tự động hóa từ 45% đến dưới 60%	2 điểm
- Hệ số tự động hóa từ 30% đến dưới 45%	1 điểm
- Hệ số tự động hóa dưới 30%	0 điểm

6. Tiêu chí 6: Mức độ đồng bộ của TBCN - tối đa 4 điểm

Các TBCN đồng bộ là các TBCN (hoặc nhóm TBCN) giữa các công đoạn kế tiếp nhau trong dây chuyền sản xuất có công suất sản xuất và các thông số kỹ thuật phù hợp với công suất sản xuất và các thông số kỹ thuật chung của cả dây chuyền. Hệ số đồng bộ của TBCN (K_{db}) được tính bằng công thức:

$$K_{db} = \frac{G_{db}}{G_{sx}} \cdot 100\%$$

Trong đó:

- G_{db} là tổng giá trị các TBCN đồng bộ;

- G_{sx} là tổng giá trị TBCN hiện tại.

Trường hợp trong doanh nghiệp có nhiều sản phẩm khác nhau được sản xuất trên nhiều dây chuyền sản xuất thì hệ số đồng bộ của doanh nghiệp tính bằng hệ số đồng bộ trung bình theo giá trị của các dây chuyền sản xuất đó.

Điểm của tiêu chí này được xác định như sau:

- Hệ số đồng bộ từ 75% trở lên	4 điểm
- Hệ số đồng bộ từ 60% đến dưới 75%	3 điểm
- Hệ số đồng bộ từ 45% đến dưới 60%	2 điểm
- Hệ số đồng bộ dưới 45%	1 điểm